



ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ THẢO NGUYÊN XANH

Website: <http://lapduan.com.vn>

Hotline: 08.39118552 - 0918755356



**DỰ ÁN: TRUNG TÂM NUÔI DẠY TRẺ MỒ CÔI
VÀ NGƯỜI KHUYẾT TẬT**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

----- ∞ ☉ ∞ -----

**TÓM TẮT
BÁO CÁO ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DỰ ÁN**

**TRUNG TÂM NUÔI DẠY TRẺ MỒ CÔI VÀ
NGƯỜI KHUYẾT TẬT**

CHỦ ĐẦU TƯ
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
.....

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ
THẢO NGUYÊN XANH
(Tổng Giám đốc)

ÔNG. NGUYỄN VĂN MAI

Thanh Hóa - Tháng ...

MUC LUC

<u>CHƯƠNG I: BÁO CÁO TÓM TẮT VỀ DỰ ÁN</u>	1
<u>I.1. Cơ quan chịu trách nhiệm dự án và Đơn vị tài trợ</u>	1
<u>I.1.1. Cơ quan chủ quản</u>	1
<u>I.1.2. Đơn vị tài trợ</u>	1
<u>I.2. Mô tả dự án</u>	2
<u>I.2.1. Thông tin chung</u>	2
<u>I.2.2. Các hợp phần của dự án</u>	2
<u>I.2.3. Lịch trình thực hiện dự án</u>	2
<u>I.3. Nguồn tài trợ cho dự án</u>	3
<u>I.3.1. Tổng vốn đầu tư</u>	3
<u>I.3.2. Hình thức cung cấp vốn</u>	3
<u>CHƯƠNG II: BỐI CẢNH VÀ CĂN CỨ CỦA DỰ ÁN</u>	4
<u>II.1. Căn cứ xác định sự cần thiết và tính cấp thiết của dự án</u>	4
<u>II.1.1. Môi trường vĩ mô và chính sách phát triển</u>	4
<u>II.1.2. Các điều kiện và cơ sở của dự án</u>	7
<u>II.2. Kết luận về sự cần thiết đầu tư</u>	8
<u>II.3. Mục tiêu của dự án</u>	9
<u>II.3.1. Mục tiêu tổng quát</u>	9
<u>II.3.2. Mục tiêu cụ thể</u>	9
<u>II.4. Cơ sở đề xuất nhà tài trợ</u>	9
<u>CHƯƠNG III: GIẢI PHÁP THỰC HIỆN DỰ ÁN</u>	10
<u>III.1. Cơ cấu tổ chức và bộ máy nhân sự của trung tâm</u>	10
<u>III.1.1. Bộ máy quản lý</u>	10
<u>III.1.2. Chế độ lao động</u>	10
<u>III.2. Phương án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng</u>	10
<u>III.3. Kế hoạch thực hiện dự án</u>	11
<u>CHƯƠNG IV: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ, CƠ CẤU NGUỒN VỐN VÀ KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH</u>	12
<u>IV.1. Tổng mức đầu tư</u>	12
<u>IV.2. Cơ cấu nguồn vốn</u>	12
<u>CHƯƠNG V: KẾT LUẬN</u>	13

CHƯƠNG I: BÁO CÁO TÓM TẮT VỀ DỰ ÁN

I.1. Cơ quan chịu trách nhiệm dự án và Đơn vị tài trợ

I.1.1. Cơ quan chủ quản

Tên cơ quan : Ủy Ban Nhân Dân Huyện

Địa chỉ :

Điện thoại :

Fax :

E-Mail :

Internet :

Số tài khoản :

Ngân hàng :

Người đại diện đơn vị

Đại diện dự án : Phòng Lao Động Thương Bình và Xã Hội huyện

Điện thoại :

Mobile :

Email :

Cán bộ điều phối dự án

Điện thoại :

Mobile :

Email :

Các đơn vị đối tác

+ Phòng Lao Động Thương Bình và Xã Hội các huyện, tỉnh lân cận

+ Các tổ chức cơ sở: Hội Phụ Nữ, Đoàn Thanh Niên, các tổ chức tôn giáo, các trường đại học, các hiệp hội ngành nghề, các doanh nghiệp, các đơn vị báo chí.

I.1.2. Đơn vị tài trợ

Tên nhà tài trợ: Hội Giúp Đỡ Thanh Niên Và Nhân Dân Đức DJB.

Tên nước ngoài: Deutsche Jugend - und Bürgerhilfe e.V. (DJB)

Địa chỉ: Storkower Str. 158, 10407 Berlin

Điện thoại: +49 30 5515 2178

Email: djb-verein@t-online.de

Website: <http://www.dibev.de>

Quỹ DJB CHLB Đức thuộc Hội Giúp Đỡ Thanh Niên và Nhân Dân Đức tài trợ cho các dự án tập trung vào các hoạt động nhằm đem lại lợi ích cho người hưởng lợi trực tiếp của dự án và cộng đồng xóa đói giảm nghèo. Quỹ tài trợ - Chương trình nhân ái – Xóa đói giảm nghèo của DJB bao gồm tiền hội phí và tiền quyên góp của các tổng công ty, xí nghiệp, AG, GmbH và cá nhân. Tất cả 100% tiền quyên góp và hội phí sử dụng vào chương trình nhân ái - xóa đói giảm nghèo. Quỹ DJB tài trợ cho các dự án:

DỰ ÁN: TRUNG TÂM NUÔI DẠY TRẺ MỒ CÔI VÀ NGƯỜI KHUYẾT TẬT

- Dự án dạy nghề cho trẻ em mồ côi và khuyết tật
- Dự án đào tạo tiếp nâng cao năng lực cán bộ quản lý
- Dự án xây dựng xưởng dạy nghề cho các cháu mồ côi và người khuyết tật.

I.2. Mô tả dự án

I.2.1. Thông tin chung

Lĩnh vực : Dạy nghề cho trẻ em mồ côi, khuyết tật, đối tượng chính sách
Tên dự án : Trung tâm nuôi dạy trẻ mồ côi và người khuyết tật
Địa điểm : Thanh Hóa.

Mục tiêu dự án: Bảo trợ, chăm sóc và giải quyết vấn đề sinh kế cho trẻ em mồ côi và người khuyết tật tại địa bàn tỉnh Thanh Hóa và các tỉnh lân cận.

I.2.2. Các hợp phần của dự án

Tổng vốn đầu tư của dự án là 450,000,000,000 đồng trong đó vốn DJB là 330,000,000,000 đồng, vốn đối ứng là 120,000,000,000 đồng.

Hợp phần 1: Xây dựng cơ sở hạ tầng, mua sắm trang thiết bị phục vụ nhu cầu học tập và sinh hoạt của trung tâm.

- + Xây dựng hạ tầng khu phục vụ học tập
- + Xây dựng hạ tầng khu sinh hoạt của học viên.
- + Xây dựng khu hạ tầng làm việc cho học viên sau khi hoàn thành khóa học
- + Khu vực hành chính
- + Hạ tầng và giao thông nội bộ
- + Mua sắm thiết bị phục vụ công tác dạy học.
- + Mua sắm thiết bị phục vụ cho sinh hoạt của học viên.
- + Mua sắm thiết bị phục vụ cho làm việc của học viên sau khi hoàn thành khóa

học.

Hợp phần 2: Đào tạo cán bộ giảng viên và nhân viên của trung tâm.

Hợp phần 3: Tổ chức đào tạo, dạy nghề cho các học viên của trung tâm

- + Các ngành nghề đào tạo: Máy gang xiên, thêu ren, gò hàn, may công nghiệp.

Hợp phần 4: Giải quyết việc làm cho học viên sau khi hoàn thành khóa học ngay tại trung tâm.

I.2.3. Lịch trình thực hiện dự án

Dự án “Trung tâm nuôi dạy trẻ mồ côi và người khuyết tật Thanh Hóa” được thực hiện trong thời gian 20 năm 2014-2033.

Hợp phần 1: Xây dựng cơ sở hạ tầng, mua sắm máy móc thiết bị phục vụ nhu cầu học tập và sinh hoạt của trung tâm được tiến hành trong thời gian 1 năm 2014-2015.

Hợp phần 2: Đào tạo cán bộ giảng viên và nhân viên của trung tâm. Thời gian thực hiện 9 tháng từ quý II năm 2013 đến quý IV năm 2013.

Hợp phần 3: Tổ chức đào tạo, dạy nghề cho các học viên của trung tâm. Thời gian thực hiện 2014-2033.

Hợp phần 4: Giải quyết việc làm cho học viên sau khi hoàn thành khóa học ngay tại trung tâm. Thời gian thực hiện 2014-2033.

I.3. Nguồn tài trợ cho dự án

I.3.1. Tổng vốn đầu tư

Tổng vốn đầu tư: 450,000,000,000 VNĐ tương ứng 21,603,457 USD.

Trong đó:

+ Vốn vay DJB: 330,000,000,000 VNĐ tương ứng 15,842,535 USD.

+ Vốn đối ứng: khoảng 120,000,000,000 VNĐ tương ứng 5,760,922 USD bao gồm giá trị quyền sử dụng đất.

(Quy đổi ngoại tệ tạm tính với tỷ giá 20,830 VNĐ/1 USD)

I.3.2. Hình thức cung cấp vốn.

Tài trợ không hoàn lại.

CHƯƠNG II: BỐI CẢNH VÀ CĂN CỨ CỦA DỰ ÁN

II.1. Căn cứ xác định sự cần thiết và tính cấp thiết của dự án

II.1.1. Môi trường vĩ mô và chính sách phát triển

❖ Môi trường vĩ mô

Dân số, lao động và việc làm

Dân số trung bình nước ta năm 2012 ước tính 88.78 triệu người, tăng 1.06% so với năm 2011, bao gồm: Dân số nam 43.92 triệu người, tăng 1.09%; dân số nữ 44.86 triệu người, tăng 1.04%. Trong tổng dân số cả nước năm nay, dân số khu vực thành thị là 28.81 triệu người, tăng 3.3% so với năm trước; dân số khu vực nông thôn là 59.97 triệu người, tăng 0.02%.

Tổng tỷ suất sinh năm 2012 đạt 2.05 con/phụ nữ, tăng so với mức 1.99 con/phụ nữ của năm 2011. Tỷ suất sinh thô đạt 16.9 trẻ sinh ra sống trên 1000 người dân. Tỷ số giới tính của trẻ em là 112,3 bé trai/100 bé gái, tăng so với mức 111,9 bé trai/100 bé gái của năm 2011. Tỷ suất chết thô năm 2012 là 7‰; tỷ suất chết của trẻ em dưới 1 tuổi là 15.8‰; tỷ suất chết của trẻ em dưới 5 tuổi là 23.8‰. Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên năm 2012 là 52.58 triệu người, tăng 2.3% so với năm 2011, trong đó lao động nam chiếm 51.3%; lao động nữ chiếm 48.7%. Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc năm 2012 là 51.69 triệu người, tăng 2.7% so với năm 2011. Cơ cấu lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm từ 48.4% năm 2011 xuống 47.5% năm 2012; khu vực công nghiệp và xây dựng giảm từ 21.3% xuống 21.1%; khu vực dịch vụ tăng từ 30.3% lên 31.4%. Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc năm 2012 khu vực Nhà nước chiếm 10.4% tổng lực lượng lao động; khu vực Ngoài Nhà nước chiếm 86.3%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 3.3%.

Tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi năm 2012 là 1.99%, trong đó khu vực thành thị là 3.25%, khu vực nông thôn là 1.42%. Tỷ lệ thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi năm 2012 là 2.8%, trong đó khu vực thành thị là 1.58%, khu vực nông thôn là 3.35%. Tỷ lệ lao động phi chính thức năm 2012 tăng so với một số năm trước, từ 34.6% năm 2010 tăng lên 35.8% năm 2011 và 36.6% năm 2012.

Đời sống dân cư

Tính chung cả năm 2012, cả nước có 450.3 nghìn lượt hộ thiếu đói, giảm 27.6% so với năm 2011, tương ứng với 1911.8 nghìn lượt nhân khẩu bị thiếu đói, giảm 26.9%. Tỷ lệ hộ nghèo cả nước năm 2012 ước tính là 11.3 – 11.5%, giảm 1.1 – 1.3% so với năm 2011, thấp hơn mức giảm 1.6% của năm 2011 so với năm 2010.

Giáo dục, đào tạo

Tính đến cuối năm 2012, cả nước có 60/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, trong đó 03 tỉnh/thành phố đã được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ 2 và 63/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Cả nước có 215 trường đại học, trong đó 187 trường công lập; 204 trường cao đẳng, trong đó 150 trường công lập; 295 trường trung cấp chuyên nghiệp. Tổng số sinh viên đại học, cao đẳng của cả nước là trên 2.2 triệu sinh viên; số học sinh trung cấp chuyên nghiệp là 623 nghìn học sinh. Cả nước có 142 trường cao đẳng nghề, 316 trường trung cấp nghề, 850 trung tâm dạy nghề. Số học sinh học nghề được tuyển

DỰ ÁN: TRUNG TÂM NUÔI DẠY TRẺ MÒ CÔI VÀ NGƯỜI KHUYẾT TẬT

mới trong năm nay là 1.9 triệu lượt người, trong đó cao đẳng nghề và trung cấp nghề là 0.4 triệu lượt người; sơ cấp nghề 1.5 triệu lượt người.

Tình hình dịch bệnh

Trong năm 2012, cả nước có 81.8 nghìn trường hợp mắc bệnh sốt xuất huyết (67 trường hợp tử vong); 816 trường hợp mắc bệnh viêm não virút (18 trường hợp tử vong); 614 trường hợp mắc bệnh thương hàn; 125 trường hợp mắc viêm màng não do não mô cầu (5 trường hợp tử vong); 151.1 nghìn người mắc dịch tay chân miệng, tăng 41.3% so với năm 2011 (45 trường hợp tử vong, giảm 72.4%).

Hoạt động thể thao

Tại một số giải thể thao quốc tế được tổ chức trong năm qua, các vận động viên thể thao quần chúng nước ta giành được 5 huy chương vàng, 2 huy chương bạc, 3 huy chương đồng tại giải Cúp tạ thế giới; 27 huy chương vàng, 17 huy chương bạc và 16 huy chương đồng tại Đại hội thể thao học sinh Đông Nam Á tại Indonesia và xếp thứ 4 trong tổng số 7 đoàn tham gia.

Trong hoạt động thể thao thành tích cao, ngành Thể dục Thể thao tổ chức thành công 207 giải thể thao trong nước và quốc tế; tham dự 190 giải quốc tế và cử 31 đội tuyển và cá nhân đi tập huấn, đào tạo tại nước ngoài. Tại các giải thể thao quốc tế năm 2012, đoàn thể thao Việt Nam đạt được 271 huy chương vàng, 234 huy chương bạc và 154 huy chương đồng.

Tai nạn giao thông

Tính từ 16/12/2011 đến 15/12/2012, trên địa bàn cả nước đã xảy ra 10081 vụ tai nạn giao thông, làm chết 9838 người và làm bị thương 7624 người. So với năm 2011, số vụ tai nạn giao thông giảm 28.1%, số người chết giảm 14.1% và số người bị thương giảm 28.2%. Bình quân 1 ngày trong năm 2012, cả nước xảy ra 28 vụ tai nạn giao thông, làm chết 27 người và làm bị thương 21 người.

Thiệt hại do thiên tai

Theo báo cáo, thiên tai xảy ra trong năm 2012 đã làm hơn 700 người chết, mất tích và bị thương; hơn 100 nghìn ngôi nhà bị hư hỏng, cuốn trôi; hơn 80 nghìn ha lúa và hoa màu bị mất trắng; gần 300 nghìn ha lúa và hoa màu bị ngập, hư hỏng. Tổng giá trị thiệt hại do thiên tai gây ra trong năm 2012 ước tính trên 7 nghìn tỷ đồng, trong đó Thái Bình thiệt hại khoảng 1.4 nghìn tỷ đồng, chiếm gần 20% tổng giá trị thiệt hại của cả nước. Theo báo cáo sơ bộ, tổng số tiền mặt cứu trợ các địa phương bị ảnh hưởng thiên tai trong năm là gần 8.3 tỷ đồng. (Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Tình hình trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

Số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt (10 nhóm đối tượng theo Luật Bảo vệ, giáo dục và chăm sóc trẻ em) tính đến cuối năm 2009 là 1,537,179 em, chiếm 6.5% tổng số trẻ em dưới 16 tuổi. Nếu tính cả 4 nhóm đối tượng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khác (trẻ em bị buôn bán, bắt cóc; trẻ em bị ngược đãi, bạo lực; trẻ em sống trong gia đình nghèo và trẻ em bị tai nạn thương tích), tổng số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt là 4,288,265 em, chiếm 18.2% tổng số trẻ em dưới 16 tuổi. Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt năm 2009 giảm khoảng 6%. Chủ yếu là nhóm trẻ em nghiện ma túy, lao động trẻ em và trẻ em là nạn nhân chất độc hóa học. Công tác bảo vệ trẻ em chuyển hướng từ tiếp cận dựa trên nhu cầu sang tiếp cận dựa trên quyền của trẻ em. Tỷ lệ đăng ký khai sinh đạt trên 90%. Tỷ lệ trẻ

DỰ ÁN: TRUNG TÂM NUÔI DẠY TRẺ MỒ CÔI VÀ NGƯỜI KHUYẾT TẬT

em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc trong giai đoạn 2001-2010 tăng lên khoảng 70%.

Trong đó:

Nhóm Trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em bị bỏ rơi: Trong những năm qua, gia đình, cộng đồng và Nhà nước luôn luôn quan tâm, chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, tạo điều kiện cho các em phát triển đầy đủ thể chất và tinh thần. Tính đến cuối năm 2009 đã có 79.49% trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em bị bỏ rơi được chăm sóc dưới nhiều hình thức.

Nhóm Trẻ em tàn tật, khuyết tật: Trẻ em khuyết tật chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, dao động trong khoảng 1.25 – 1.3 triệu, mặc dù đã có sự quan tâm của nhà nước song vẫn còn một bộ phận trẻ em dạng khuyết tật nặng vẫn chưa tiếp cận được giáo dục, chỉnh hình phục hồi chức năng, chăm sóc sức khỏe và nhiều em vẫn sống trong cảnh nghèo khổ, nhất là nhóm trẻ em khuyết tật dạng thiếu năng trí tuệ, nghe, nhìn và mắc bệnh hiểm nghèo như bệnh tim bẩm sinh, máu trắng... Trẻ khuyết tật được chăm sóc dưới các hình thức khác nhau tại các mô hình dựa vào gia đình và cộng đồng, các cơ sở bảo trợ xã hội của Nhà nước. Nhiều chương trình được triển khai hiệu quả như phẫu thuật mắt, phẫu thuật tim bẩm sinh, hỗ trợ trẻ em nạn nhân của chất độc hóa học. 69.750 em đó được chăm sóc, phục hồi chức năng và phẫu thuật chỉnh hình.

Trẻ em lang thang, trẻ em lao động, trẻ em làm việc xa gia đình: Trong 10 năm qua, trẻ em lang thang luôn biến động thất thường, năm thấp nhất có trên 7,000 em, năm cao lên tới 25,000 em. Lao động trẻ em cũng biến động tương tự dao động trong khoảng 6-7% tổng số trẻ em, trong đó có khoảng 27,000 trẻ em phải lao động trong điều kiện tồi tệ, nhất là năm kinh tế nước ta bị suy giảm, lạm phát tăng cao. Trẻ em làm việc xa gia đình, chủ yếu làm giúp việc gia đình hoặc các nhà hàng/quán ba có xu hướng gia tăng trong những năm gần đây và nguy cơ bị ngược đãi, bạo lực, xâm hại và lạm dụng rất cao.

Tình hình người tàn tật Việt Nam từ khi ban hành pháp lệnh về người tàn tật

Theo nguồn số liệu của Bộ Lao động Thương binh và xã hội, Việt Nam hiện có khoảng 5.3 triệu người tàn tật với các dạng tật khác nhau, chiếm 6.34% tổng dân số. Trong đó có 1.1 triệu khuyết tật nặng, chiếm 21.5% tổng số người khuyết tật. Bao gồm 29% khuyết tật vận động, 17% tâm thần, 14% tật thị giác, 9% tật thính giác, 7% tật ngôn ngữ, 7% trí tuệ và 17% các dạng tật khác. Tỷ lệ nam là người khuyết tật cao hơn nữ do các nguyên nhân hậu quả chiến tranh, tai nạn lao động, tai nạn giao thông, tai nạn thương tích...

Nguyên nhân gây nên khuyết tật có tới 36% bẩm sinh, 32% do bệnh tật, 26% do hậu quả chiến tranh và 6% do tai nạn lao động. Dự báo trong nhiều năm tới số lượng người khuyết tật ở Việt Nam chưa giảm do tác động của ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng của chất độc hoá học do Mỹ sử dụng trong chiến tranh Việt Nam, tai nạn giao thông và tai nạn lao động, hậu quả thiên tai...

Đời sống vật chất, tinh thần của người khuyết tật còn nhiều khó khăn. Có tới 80% người khuyết tật ở thành thị và 70% người khuyết tật ở nông thôn sống dựa vào gia đình, người thân và trợ cấp xã hội; 32.5% thuộc diện nghèo (cao gấp hai lần so với tỷ lệ nghèo chung cùng thời điểm), 24% ở nhà tạm. Những khó khăn này cản trở người khuyết tật tiếp

DỰ ÁN: TRUNG TÂM NUÔI DẠY TRẺ MỒ CÔI VÀ NGƯỜI KHUYẾT TẬT

cận dịch vụ y tế, giáo dục, học nghề, tìm kiếm việc làm, tham gia giao thông, dẫn đến khó khăn trong cuộc sống và hoà nhập với cộng đồng.

❖ Chính sách phát triển

Văn bản chỉ đạo của Đảng, Nhà Nước và của tỉnh về bảo trợ người khuyết tật và trẻ em mồ côi.

+ Công ước Quốc tế về Quyền của Người Khuyết tật (NKT): các nguyên tắc chung của Công ước bao gồm: Tôn trọng phẩm giá, tự chủ, tự do độc lập, không phân biệt đối xử, tham gia các hoạt động xã hội đầy đủ có hiệu quả, tôn trọng sự khác biệt, bình đẳng về cơ hội, tiếp cận các dịch vụ xã hội, bình đẳng nam nữ, tôn trọng khả năng NKT. Các quốc gia phải đảm bảo chăm sóc, bảo vệ, việc làm cho NKT.

+ Hiến pháp Nước CHXHCN Việt Nam năm 1992 ; Điều 67 nêu: Thương binh được tạo điều kiện phục hồi chức năng lao động, có việc làm phù hợp và có đời sống ổn định. Người và gia đình người có công với nước được khen thưởng, chăm sóc. Người già, người tàn tật, trẻ mồ côi không nơi nương tựa được Nhà nước và xã hội giúp đỡ.

+ Luật về NKT số 51/2010/QH 12 ngày 29/6/2010 của Quốc Hội khoá XII. "... Bảo vệ, chăm sóc và tạo điều kiện cho NKT hoà nhập cộng đồng là những hoạt động có ý nghĩa kinh tế, chính trị và nhân văn sâu sắc; là truyền thống tốt đẹp của Dân tộc ta". "NKT theo quy định của Luật không phân biệt nguồn gốc gây ra khuyết tật"

+ Các chính sách của Chính phủ: Nghị định số 28/2012/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật, Nghị định số: 67/2007/NĐ-CP và Nghị định số 13/2010/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội, Quyết định 1019/TTg ngày 5/8/2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2012-2020.

+ Chỉ đạo của tỉnh :

- Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Thanh Hoá có Chỉ thị số 11/CT/TU ngày 19/4/2004 tăng cường sự lãnh đạo của cấp uỷ Đảng đối với công tác chăm sóc, giúp đỡ người khuyết tật và trẻ mồ côi. Công văn số 151/CV-BDVTU ngày 15/9/2011 của Ban Dân vận Tỉnh uỷ về tiếp tục củng cố, kiên toàn hoạt động Hội Bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi.

- Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá Quyết định cho phép thành lập Hội Bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi tại công văn số 3275/QĐ-UB ngày 4/12/2001 và Công văn số 3233/UB-VX ngày 8/8/2004; công văn số 6817/VX-UB ngày 10/10/2011 về việc tăng cường công tác chăm sóc người khuyết tật và trẻ mồ côi.

II.1.2. Các điều kiện và cơ sở của dự án

❖ Tình hình trẻ mồ côi và người khuyết tật ở Thanh Hóa

Tại Thanh Hóa, theo số liệu của các ngành chức năng, hiện nay toàn tỉnh có: 247,000 người khuyết tật bằng 6.4% dân số, trong đó: Thương bệnh binh 52,000, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học: 22,000; tai nạn lao động 10,500 người, tai nạn giao thông: 31,000 người, người khuyết tật bẩm sinh 42,000 người, khuyết tật do ốm đau: 37,500 người, nguyên nhân khác 52,000 người; trẻ mồ côi cả cha lẫn mẹ: 5,200 cháu, trẻ mồ côi cha hoặc mẹ: 16,400 cháu.

Các dạng tật chủ yếu:

DỰ ÁN: TRUNG TÂM NUÔI DẠY TRẺ MÒ CÔI VÀ NGƯỜI KHUYẾT TẬT

- Khuyết tật trí tuệ: 45,500 người
- Bại liệt: 37,000 người
- Khuyết tật nghe – nói (người câm điếc): 20,998 người
- Khuyết tật vận động 102,000 người
- Khuyết tật khiếm thị (người mù): 20,700 người.

Công tác tuyên truyền phổ biến Pháp lệnh và chính sách liên quan trên địa bàn đến người khuyết tật cũng còn hạn chế. Hiểu biết ít nên các hoạt động chăm sóc, hỗ trợ người khuyết tật ở cộng đồng chưa được thực hiện tốt. Người khuyết tật thường tự ti trong cuộc sống, chưa thấy được quyền và trách nhiệm của mình.

❖ Kinh nghiệm thực hiện dự án của cơ quan chủ quản

Trung tâm nuôi dạy trẻ em mồ côi và khuyết tật có Tư cách pháp nhân và đã có kinh nghiệm trong việc quản lý điều hành công việc.

II.2. Kết luận về sự cần thiết đầu tư

Thanh Hóa là địa phương đông dân cư nhất nhì cả nước, số lượng người bị khuyết tật và trẻ mồ côi cũng rất cao và luôn tăng hàng năm. Trăn trở trước những khó khăn về vật chất, thiếu thốn về tinh cảm của hàng trăm đứa trẻ đang hàng ngày, hàng giờ phải đấu tranh với bệnh tật, với số phận nghiệt ngã, vì thế chúng tôi luôn mong muốn mang đến cho các em một mái nhà, một môi trường nuôi dạy an toàn để các em vươn lên hòa nhập với cộng đồng.

Bằng tấm lòng cũng như tâm huyết mong muốn quê hương mình ngày càng tốt đẹp hơn, cuộc sống của những mảnh đời bất hạnh vui bớt những khó khăn, vất vả chúng tôi tin tưởng rằng việc đầu tư dự án “Trung tâm nuôi dạy trẻ mồ côi và người khuyết tật” tại (Thanh Hóa) là một sự đầu tư cần thiết và cấp bách trong giai đoạn hiện nay.

II.3. Mục tiêu của dự án

II.3.1. Mục tiêu tổng quát

Bảo trợ, chăm sóc và giải quyết vấn đề sinh kế cho trẻ em mồ côi và người khuyết tật tại địa bàn tỉnh Thanh Hóa và các tỉnh lân cận.

II.3.2. Mục tiêu cụ thể

- + Xây dựng nhà ở và xưởng dạy nghề khoảng 1000 chỗ cho các đối tượng là trẻ em mồ côi và người khuyết tật trên địa bàn tỉnh và các vùng lân cận.
- + Vận động, chăm sóc, đào tạo và dạy nghề miễn phí cho các đối tượng.
- + Tạo công ăn việc làm cho học viên sau đào tạo tại trung tâm.
- + Đào tạo giảng viên và cán bộ quản lý của trung tâm cho phù hợp với khả năng tiếp thu của học viên.

II.4. Cơ sở đề xuất nhà tài trợ

Hội Giúp Đỡ Thanh Niên và Nhân Dân Đức (DJB) trong thời gian gần đây đã có một số chương trình cam kết tài trợ không hoàn lại nhằm xây dựng các trung tâm chăm sóc sức khỏe – dạy nghề và tổ chức sản xuất cho thanh thiếu niên mồ côi và khuyết tật. Đây là tấm lòng của các Kiều Bào Việt Nam tại Đức luôn hướng về quê hương. DJB đã và đang triển khai nhiều dự án nhằm giúp đỡ cộng đồng tại các tỉnh Hải Phòng và Thanh Hóa.

Quỹ DJB tài trợ cho các dự án:

- Dự án dạy nghề cho trẻ em mồ côi và khuyết tật
- Dự án đào tạo tiếp nâng cao năng lực cán bộ quản lý
- Dự án xây dựng xưởng dạy nghề cho các cháu mồ côi và người khuyết tật.

Từ mục tiêu của dự án, có thể thấy mục tiêu này hoàn toàn phù hợp với chính sách và định hướng ưu tiên của Hội Giúp Đỡ Thanh Niên và Nhân Dân Đức.

CHƯƠNG III: GIẢI PHÁP THỰC HIỆN DỰ ÁN

III.1. Cơ cấu tổ chức và bộ máy nhân sự của trung tâm

III.1.1. Bộ máy quản lý

+ Ban điều hành gồm có: 1 Giám Đốc trung tâm, 1 Phó Giám Đốc, 02 trợ lý. Giám đốc là người điều hành, chỉ đạo mọi hoạt động của trung tâm, đồng thời là người chịu trách nhiệm hoạt động của trung tâm trước pháp luật.

+ Các phòng chức năng:

- Phòng hành chính –tổ chức

- Phòng tài chính-giáo vụ

+ Các bộ phận chuyên môn.

- Bộ phận nuôi dưỡng: Chăm lo về vấn đề ăn uống, nghỉ ngơi, sinh hoạt cho học viên.

- Bộ phận giám thị: Giám sát việc thực hiện nội quy của trung tâm cho học viên.

- Bộ phận y tế: phụ trách vấn đề chăm sóc sức khỏe cho học viên.

- Bộ phận giảng dạy: Đào tạo học viên

- Ban quản lý xưởng việc làm: chịu trách nhiệm quản lý mọi hoạt động của xưởng việc làm.

III.1.2. Chế độ lao động

+ Cán bộ giảng viên, quản lý và nhân viên của trung tâm được nhân lương theo quy định của bộ luật lao động Việt Nam.

+ Học viên sau khi hoàn tất khóa học và làm việc tại trung tâm sẽ được nhận lương theo mức hỗ trợ của chương trình và theo quy định của trung tâm.

III.2. Phương án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng

Hình thức đầu tư của dự án là đầu tư xây dựng mới.

Trung tâm nuôi dạy trẻ mồ côi và khuyết tật huyện, Tỉnh Thanh Hóa được xây dựng nhằm phục vụ cho 1000 người.

Diện tích khu đất xây dựng : 10 ha được phân chia thành nhiều khu bao gồm:

+ Xây dựng hạ tầng khu phục vụ học tập:

Khu phục vụ học tập được xây dựng với diện tích là 1 ha, được xây dựng 2 tầng bao gồm:

- Phòng học

- Phòng thực hành

- Phòng nghỉ giảng viên

- Khu vệ sinh

- Xây dựng hạ tầng khu sinh hoạt của học viên.

Khu phục vụ sinh hoạt của học viên dự kiến được xây dựng trên diện tích 2 ha bao gồm:

- Phòng sinh hoạt của học viên

- Phòng y tế

DỰ ÁN: TRUNG TÂM NUÔI DẠY TRẺ MÒ CÔI VÀ NGƯỜI KHUYẾT TẬT

- Nhà ăn
- Khu vệ sinh
- Nhà giao lưu văn hóa
- + Xây dựng khu hạ tầng làm việc cho học viên sau khi hoàn thành khóa học
- Xưởng làm mây giang xiên
- Xưởng thêu ren
- Xưởng gò hàn
- Xưởng may công nghiệp
- + Khu vực hành chính
- + Hạ tầng và giao thông nội bộ.

III.3. Kế hoạch thực hiện dự án

Hợp phần 1: Đào tạo cán bộ giảng viên và nhân viên của trung tâm. Thời gian thực hiện 9 tháng từ quý II năm 2013 đến quý IV năm 2013.

+ Tổ chức gửi các cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của trung tâm đến các trung tâm, đơn vị đào tạo.

- + Hỗ trợ chi phí học tập, tham quan.
- + Hỗ trợ các thiết bị phục vụ cho việc học tập.

Hợp phần 2: Xây dựng cơ sở hạ tầng, mua sắm máy móc thiết bị phục vụ nhu cầu học tập và sinh hoạt của trung tâm được tiến hành trong thời gian 1 năm 2014-2015.

+ Tiến hành đấu thầu lựa chọn đơn vị tham gia thiết kế, lập dự án đầu tư, nhà thầu tham gia thi công công trình, nhà thầu giám sát.

- + Đấu thầu mua sắm thiết bị và quản lý dự án.

Hợp phần 3: Tổ chức đào tạo, dạy nghề cho các học viên của trung tâm. Thời gian thực hiện 2014-2033.

- + Tư vấn lựa chọn ngành nghề phù hợp với học viên.
- + Tổ chức đào tạo, dạy nghề cho các học viên.

Hợp phần 4: Giải quyết việc làm cho học viên sau khi hoàn thành khóa học ngay tại trung tâm. Thời gian thực hiện 2014-2033.

- + Tổ chức sắp xếp việc làm cho các học viên tại trung tâm
- + Bán các sản phẩm do chính học viên làm ra để tạo thu nhập cho học viên.

CHƯƠNG IV: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ, CƠ CẤU NGUỒN VỐN VÀ KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH

IV.1. Tổng mức đầu tư

Bảng tổng hợp tổng mức đầu tư dự án:

STT	Loại tiền	Tổng số	Vốn DJB	Vốn Đối ứng
1	VNĐ	450,000,000,000	330,000,000,000	120,000,000,000
2	USD	21,603,457	15,842,535	5,760,922

IV.2. Cơ cấu nguồn vốn

Tổng vốn đầu tư cho dự án “Trung tâm nuôi dạy trẻ mồ côi và người khuyết tật” tại huyện, tỉnh Thanh Hóa dự kiến là 450,000,000,000 VNĐ tương ứng 21,603,457 USD (tạm tính theo tỷ giá 1 USD tương đương 20,830 VNĐ).

Trong đó:

Vốn DJB: Vốn vay của Hội Giúp Đỡ Thanh Niên và Nhân Dân Đức là 330,000,000,000 VNĐ tương ứng 15,842,535 USD.

Vốn đối ứng: dự kiến là 120,000,000,000 VNĐ tương ứng 5,760,922 USD được tính bằng giá trị quyền sử dụng đất của dự án.

CHƯƠNG V: KẾT LUẬN

Với những mảnh đời bất hạnh thì việc học là con đường cần thiết để giúp các em xóa bỏ mặc cảm, tiếp cận và tham gia vào xã hội một cách hiệu quả nhất. Tuy nhiên đây là con đường khó khăn, có tính chất lâu dài và khá qui mô đòi hỏi khả năng tài chính, trình độ cũng như sự thấu cảm trẻ mồ côi và người khuyết tật của những người tham gia xây dựng Trung tâm. Vì vậy chúng tôi rất kính mong được sự cộng tác đặc lực của tất cả mọi người cũng như sự hỗ trợ của các mạnh thường quân, đặc biệt là Quỹ DJB CHLB Đức thuộc Hội Giúp Đỡ Thanh Niên và Nhân Dân Đức cho dự án của chúng tôi tiến triển tốt đẹp, để các em mồ côi, khuyết tật ở Thanh Hóa sớm có mái ấm và được chăm sóc tốt hơn.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn.

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2013

CHỦ DỰ ÁN

Ủy Ban Nhân Dân Huyện
(Thanh Hóa)